TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2025
V/v: Ly hôn, giải quyết con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Văn Cương và ông Đàm Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/HNGĐ-ST, ngày 23/5/2025 về việc: Ly hôn, giải quyết con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bế Thị N, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nay là Xóm Xuân L, xã Q, tỉnh Cao Bằng). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Hà Quảng H, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm X, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nay là Xóm Xuân L, xã Q, tỉnh Cao Bằng). Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 5, phân trại số C, trại giam Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2025 và các lời khai tại tiếp theo tại Tòa án, ***nguyên đơn Bế Thị N*** trình bày: Chị và anh Hà Quảng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng ngày 13/10/2015. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến ngày 15/2/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con cái; anh H nghiện ma

tuý, không quan tâm đến gia đình; quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại hoà giải nhưng không thành; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngoài ra, khoảng tháng 9/2022 anh Hà Quảng H bị Tòa án xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, hiện nay đang chấp hành án tại Đội 5, phân trại số C, trại giam Quảng Ninh. Chị Bế Thị N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có đơn xin ly hôn anh Hà Quảng H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung tên là Hà Minh K, sinh ngày 03/9/2015, hiện con đang ở với bà nội và mẹ tại xóm X, xã C, huyện Q, Cao Bằng. Sau khi ly hôn chị Bế Thị N sẽ trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2025 ***bị đơn Hà Quảng H*** trình bày: Anh kết hôn với chị N năm 2015 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh H vẫn còn có tình cảm với vợ. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn chị Bế Thị N.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung tên là Hà Minh K, sinh ngày 03/9/2015, hiện con đang do bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn anh H đồng ý để chị Bế Thị N sẽ trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi anh chấp hành xong án phạt tù; do anh đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con, nay đề nghị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh Hà Quảng H đang chấp hành án tại trại giam, nên đề nghị Toà án nhân dân huyện Quảng Hoà, Cao Bằng tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; mở phiên tòa xét xử vụ án, anh H đề nghị được vắng mặt. Đề nghị Tòa án Quảng Hòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát huyện Q phát biểu ý kiến tại phiên tòa, Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án; điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao- Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp về: Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật

Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bế Thị N được ly hôn anh Hà Quảng H. Về con chung, xét nguyện vọng của cháu K và yêu cầu của chị N phù hợp với quy định của pháp luật, nên giao cháu Hà Minh K, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Bế Thị N được chăm sóc, giáo dục và ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bế Thị N và anh Hà Quảng H cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Chị Bế Thị N và anh Hà Quảng H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng ngày 13/10/2015; do vậy cuộc hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp.

Cả hai bên đương sự đều thừa nhận, quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc; sau đó, do anh H nghiện ma tuý, vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam Q, nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bế Thị N, tại bản tự khai ngày 02/6/2025 anh Hà Quảng H cũng nhất trí ly hôn với chị N; do anh Hà Quảng H đang chấp hành án hình sự tại trại giam không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bế Thị N đối với anh Hà Quảng H.

[3] Về con chung: Chị Bế Thị N và anh Hà Quảng H có 01 con chung tên là Hà Minh K, sinh ngày 03/9/2015; hiện cháu đang ở với bà nội và mẹ tại xóm X, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Chị N và anh H cùng thỏa thuận để chị N nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Hà Minh K cho chị Bế Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi còn chung, chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, sự tự nguyện này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Cao Bằng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N; chị N được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Bế Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao-Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp về: Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và Gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về: Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Bế Thị N được ly hôn anh Hà Quảng H.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Hà Minh K, sinh ngày 03/9/2015 cho chị Bế Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bế Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0002466, ngày 23/5/2025 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thu. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TA, VKS tỉnh Cao Bằng;
- VKSND Khu vực 2- Cao Bằng;
- Phòng THA dân sự Khu vực 2 - Cao Bằng;
- UBND xã Quảng Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Mến